

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà các Công ty trong Nhóm phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	5 - 10

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty mẹ hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.6.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

18

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà các Công ty trong Nhóm đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong Tập đoàn.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Riêng Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

Năm tài chính 2009 là năm thứ ba Công ty mẹ đăng ký được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế do chuyển từ loại hình Doanh nghiệp Nhà nước sang loại hình Công ty Cổ phần nên Công ty mẹ được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong năm nay

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá sổ dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Tập đoàn bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Tập đoàn không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008: 16.977 VND/USD
31/12/2009: 17.941 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	471.948.281	890.795.843
Tiền gửi ngân hàng	13.178.620.269	7.481.136.899
Các khoản tương đương tiền	18.600.000.000	5.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	18.600.000.000	5.500.000.000
Cộng	32.250.568.550	13.871.932.742

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

21

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.918.731.225	1.914.731.225
- Cổ phiếu	1.918.731.225	1.911.731.225
- Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	3.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	317.532.774	2.000.000.000
Cộng	<u>2.236.263.999</u>	<u>3.914.731.225</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Khoản dự phòng cho khoản chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư ngắn hạn và giá gốc ghi trên sổ kế toán.

Tình hình trích lập dự phòng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	(1.456.958.625)	(61.407.425)
Số trích lập trong năm	-	(1.395.551.200)
Số hoàn nhập	429.451.000	-
Số dư cuối năm	<u>(1.027.507.625)</u>	<u>(1.456.958.625)</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ	3.341.050.688	1.967.935.094
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du Lịch	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Nhân Lực	110.579.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Kinh Thương	146.331.141	-
Cộng	<u>3.597.960.829</u>	<u>1.967.935.094</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ	798.095.561	521.381.250
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Nhân Lực	8.500.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Kinh Thương	39.680.000	-
Cộng	<u>846.275.561</u>	<u>521.381.250</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi liên doanh Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế	7.437.656.842	7.702.176.291
Phải thu tiền BHXH của nhân viên tiếp thị bia	420.000.000	354.100.596
Chi phí cổ phần hóa	28.642.728	28.642.728
Các khoản phải thu khác	-	6.105.000
Cộng	<u>7.886.299.570</u>	<u>8.091.024.615</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

22

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phường Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình trích lập dự phòng trong năm như sau:

Số dư đầu năm	163.985.936
Số trích lập trong năm	9.311.565
Số dư cuối năm	173.297.501

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí mua vé máy bay và phí visa đi tour	637.600.055	341.770.834
Chi phí vật tư phân bổ vào tour	31.670.000	10.998.000
Chi phí thuê nhà	-	1.080.000.000
Chi phí khác	23.332.331	-
Cộng	692.602.386	1.432.768.834

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.382.039.549	1.067.951.141
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.000.000	6.000.000
Cộng	1.388.039.549	1.073.951.141

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	2.660.293.209	3.067.105.532	3.061.953.784	154.801.218	253.550.995	9.197.704.738
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Mua sắm mới	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	(25.002.273)	(61.903.087)	(86.905.360)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(25.002.273)	(61.903.087)	(86.905.360)
Số cuối năm	2.660.293.209	3.067.105.532	3.061.953.784	129.798.945	191.647.908	9.110.799.378
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	1.266.504.741	-	232.379.264	1.498.884.005
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	292.632.252	1.638.919.301	2.297.573.431	127.982.464	210.950.781	4.568.058.229
Tăng trong năm	106.411.728	463.195.524	334.333.992	11.025.865	15.139.375	930.106.484
Khấu hao trong năm	106.411.728	463.195.524	334.333.992	11.025.865	15.139.375	930.106.484
Giảm trong năm	-	-	-	(22.276.833)	(47.559.041)	(69.835.874)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(22.276.833)	(47.559.041)	(69.835.874)
Số cuối năm	399.043.980	2.102.114.825	2.631.907.423	116.731.496	178.531.115	5.428.328.839

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

23

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	2.367.660.957	1.428.186.231	764.380.353	26.818.754	42.600.214	4.629.646.509
Số cuối năm	2.261.249.229	964.990.707	430.046.361	13.067.449	13.116.793	3.682.470.539
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	24.000.000	21.166.675	2.833.325
Tăng trong năm	-	2.833.325	2.833.325
Số cuối năm	24.000.000	24.000.000	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Công trình trung tâm dịch vụ quốc tế	222.654.606	401.131.543	-	623.786.149
Công trình 20-22-24 Nguyễn Thị Nhỏ phường 14 Quận 5	100.600.900	-	-	100.600.900
Công trình nhà 28 Võ Trường Toản, phường An Phú, quận 2	-	1.955.800.417	-	1.955.800.417
Công trình Trung tâm Thương mại và Dịch vụ 223 Bến Bình Đông, quận 8	-	126.991.382	-	126.991.382
Cộng	323.255.506	2.483.923.342	-	2.807.178.848

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cho thuê của Công ty mẹ

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	4.611.658.284	3.257.279.931	3.257.279.931
Tăng trong năm	-	438.009.288	438.009.288
Khấu hao trong năm	-	438.009.288	438.009.288
Số cuối năm	4.611.658.284	3.695.289.219	916.369.065

Tại thời điểm cuối năm Công ty mẹ chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

24

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tt)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: 16 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế ⁽¹⁾	30%	30%	4.963.920.000
Công ty CP Đầu tư Căn hộ Xanh CT - Dầu khí ⁽²⁾	30%	30%	1.800.000.000
Cộng			6.763.920.000

⁽¹⁾ Công ty mẹ góp vốn thành lập Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 411032000065 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 01 năm 2009.

Vốn góp Công ty mẹ trong Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế chiếm 30% tổng vốn điều lệ Công ty.

Khoản đầu tư này đã được Công ty mẹ tiến hành thủ tục chuyển nhượng cho các bên thứ ba theo 2 hợp đồng chuyển nhượng ngày 14 tháng 12 năm 2009 giữa Công ty mẹ với Công ty Cổ phần Dịch vụ Tiên Phong và hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty với Vof Pe Holding 1 Limited. Tổng giá trị chuyển nhượng của 2 hợp đồng là 39.936.000.000 VND. Tuy nhiên đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế vẫn chưa hoàn tất thủ tục pháp lý liên quan đến khoản chuyển nhượng trên.

Tại ngày 31/12/2009, Công ty mẹ đã nhận trước số tiền chuyển nhượng là 13.312.000.000 VND

⁽²⁾ Công ty mẹ góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 13/2009/SPSC_CT Group ngày 15 tháng 07 năm 2009 và phụ lục số 01 ngày 15 tháng 07 năm 2009, thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Căn hộ Xanh CT - Dầu khí theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309529938 ngày 27 tháng 10 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hình thức liên doanh là thành lập Công ty liên kết với tỷ lệ góp vốn là 30% tổng vốn điều lệ công ty. Mục đích kinh doanh là đầu tư xây dựng và khai thác Tòa nhà tại khu đất số 259 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty mẹ được hưởng lợi nhuận hàng năm tương đương tỷ lệ góp vốn trên phần thu nhập ròng của Công ty liên kết nhưng không thấp hơn 4.000.000.000 đồng, bắt đầu từ thời điểm Tòa nhà chính thức đưa vào hoạt động kinh doanh, khai thác.

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư trái phiếu chính phủ	-	50.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 3 năm tại Ngân hàng Ngoại Thương chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	300.000.000	300.000.000
Cộng	300.000.000	350.000.000

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	74.260.850	30.301.750
Lợi thế kinh doanh (*)	2.737.695.241	2.906.168.797
Cộng	2.811.956.091	2.936.470.547

(*): Khoản lợi thế kinh doanh được xác định bởi Ban xác định giá trị doanh nghiệp. Khoản lợi thế này được Công ty mẹ phân bổ trong vòng 20 năm. Và tiếp tục được phân bổ theo Nghị quyết số 006/NQ-HDQT ngày 11 tháng 12 năm 2008 và tờ trình số 314/TT-SPSC ngày 10 tháng 12 năm 2008.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

25